

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-11-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí.

2. Ông Ngô Văn Mừng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 495/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phan Ngọc S, sinh năm: 1999. (có mặt).

Địa chỉ: số 56/20C Lê Quý Đôn, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: anh Nguyễn Trường A, sinh năm: 1997. (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Phan Ngọc S trình bày: chị và anh A quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2015, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Thời gian chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi, xô xát, anh A thường xuyên uống rượu và bỏ đi nhiều lần, không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2017 đến năm 2018 thì chị và anh A không chung sống với nhau do mâu thuẫn nghiêm trọng, sau đó chị cố gắng hàn gắn với anh A và đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con nhưng đến khoảng tháng

3/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng, anh A bỏ đi và vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay chị yêu cầu ly hôn với anh A.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/8/2016. Sau khi ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Trường A dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải mà vắng mặt không rõ lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của anh A đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bà Phan Ngọc S và ông Nguyễn Trường A kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố G ngày 25/02/2019 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng mâu thuẫn và ly thân từ tháng 3/2019 đến nay, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, ông A thường uống rượu, không quan tâm gia đình, vợ chồng thường cự cãi nhau. Bà S yêu cầu ly hôn với ông A, ông A không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Bà S yêu cầu xin ly hôn với ông A là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/8/2016. Hiện cháu K sống chung với Bà S, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân, cháu Kháng sống chung với Bà S vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên tiếp tục giao cháu K cho Bà S chăm sóc, nuôi dưỡng. Do Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Phan Ngọc S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường A. Anh A có nơi cư trú tại ấp Long Bình, xã Long Kiên, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Trường A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Ngọc S và anh Nguyễn Trường A xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do anh A thường xuyên uống rượu, tính tình không phù hợp, không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn giữa anh, chị kéo dài, nhiều lần hàn gắn nhưng không thể tiếp tục chung sống, anh A không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị S xác định không còn tình cảm với anh A, nếu tiếp tục chung sống với anh A thì không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh A cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị S cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị S và anh A là trầm trọng, không thể tiếp tục, cả hai không muốn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/8/2016 hiện đang sống với chị S. Sau khi ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trong thời gian cháu K sống với chị S, cháu được chăm sóc, giáo dục tốt, ổn định về chỗ ở, tâm tư, tình cảm của cháu gắn liền với mẹ, cháu K mới hơn 03 tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ, mặt khác anh A cũng không có ý kiến đối với quyền nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu K, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu K cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của chị S trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: chị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 144, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Ngọc S.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Ngọc S được ly hôn với anh Nguyễn Trường A. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 25/02/2019 do UBND phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: chị Phan Ngọc S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trường K, sinh ngày 03/8/2016. Anh Nguyễn Trường A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh A thực hiện quyền này

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Phan Ngọc S xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Phan Ngọc S và anh Nguyễn Trường A vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phan Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013192 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị S đã nộp xong.

Chị Phan Ngọc S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Trường A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên